

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CƠ SỞ HẠ TẦNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 như sau:

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 03/12/2009.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **10.820.000.000** đồng (Mười tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*), chiếm tỷ lệ 9,02% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông khác: 9.843.680.000 đồng (*Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn*), chiếm tỷ lệ 90,98% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm 2011, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trần Duy Hải	Chủ tịch
Ông Lê Trực	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Huy	Ủy viên
Ông Hoàng Cảnh	Ủy viên
Ông Trần Hải Nguyên Long	Ủy viên
Bà Trần Thị Hải Bảo Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thiết	Ủy viên

Ban Giám đốc:

Ông Trần Duy Hải	Giám đốc
Ông Trần Hải Nguyên Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thiết	Phó Giám đốc

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 18 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- o Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- o Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- o Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- o Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

7. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 10/01/2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (sau đây viết tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính (kèm theo) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên

Đào Tiên Đạt
Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Vũ Khắc Chuyên
Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.989.165.432	12.315.756.854
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.003.009.722	1.403.351.728
1. Tiền	111	V.1	2.003.009.722	403.351.728
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	13.468.000.000	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.468.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.224.779.312	8.596.023.409
1. Phải thu khách hàng	131		3.282.263.132	5.743.549.832
2. Trả trước cho người bán	132		3.133.674.505	2.498.374.688
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	808.841.675	354.098.889
IV. Hàng tồn kho	140		2.111.260.652	2.313.099.729
1. Hàng tồn kho	141	V.4	2.111.260.652	2.313.099.729
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		182.115.746	3.281.988
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.476.545	3.281.988
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		178.639.201	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.623.876.896	10.772.268.862
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		9.573.671.351	10.700.244.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.346.398.624	10.700.244.726
<i>Nguyên giá</i>	222		18.807.029.223	18.858.047.223
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.460.630.599)	(8.157.802.497)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	227.272.727	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.205.545	72.024.136
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	50.205.545	72.024.136
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.613.042.328	23.088.025.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.650.014.871	8.712.563.140
I. Nợ ngắn hạn	310		21.428.445.252	7.327.590.871
2. Phải trả người bán	312		433.858.070	2.242.119.108
3. Người mua trả tiền trước	313		18.788.414.568	798.407.768
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	226.947.183	655.100.636
6. Chi phí phải trả	316	V.17	812.160.731	3.079.633.681
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.277.849.827	559.864.805
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(110.785.127)	(7.535.127)
II. Nợ dài hạn	330		1.221.569.619	1.384.972.269
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.221.569.619	1.384.972.269
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.963.027.457	14.375.462.576
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	13.963.027.457	14.375.462.576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.820.000.000	10.820.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.705.242.440	2.705.242.440
4. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(391.027.880)	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		54.755.669	54.755.669
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		281.527.658	281.527.658
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		492.529.570	513.936.809
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.613.042.328	23.088.025.716

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại				
- USD			136,87	136,63

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Thị Bích Phượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2011**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.873.326.235	17.224.043.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.873.326.235	17.224.043.712
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	2.419.652.850	15.615.587.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.453.673.385	1.608.455.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	335.402.244	96.074.085
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	13.333.333	920.403
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.333.333	920.403
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.164.459.548	1.045.666.533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		611.282.748	657.943.079
11. Thu nhập khác	31		36.571.855	0
12. Chi phí khác	32		14.423.658	0
13. Lợi nhuận khác	40		22.148.197	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		633.430.945	657.943.079
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	136.488.184	164.485.770
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		496.942.761	493.457.309
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	472,39	456,06

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Thị Bích Phượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: **Đồng**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	24.498.899.340	11.944.918.462
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.601.712.333)	(9.157.512.537)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(695.773.376)	(771.970.110)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.333.333)	(920.403)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(196.647.517)	(151.060.694)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.573.866.869	230.555.531
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.653.019.410)	(1.915.593.903)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.912.280.240	178.416.346
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.668.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	2.200.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.678.553	95.679.708
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.403.321.447)	95.679.708
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(391.119.990)	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.000.000.000	189.340.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	(189.340.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(518.214.500)	(1.081.696.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	(909.334.490)	(1.081.696.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.599.624.303	(807.599.946)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.403.351.728	2.210.557.297
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	33.691	394.377
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	4.003.009.722	1.403.351.728

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Thị Bích Phượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 03/12/2009.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **10.820.000.000** đồng (Mười tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 9,02% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông: 9.843.680.000 đồng (Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 90,98% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm 2011, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng. Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (Đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của công ty khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá.

Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng được xác định căn cứ trên hóa đơn GTGT và phân bổ cho từng tháng theo hợp đồng cho thuê đã ký.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, kế toán lập hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu được ghi nhận theo giá bán chưa có thuế GTGT.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành 25%.

Trong năm 2011, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân .

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	295.423.337	264.784.832
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.707.586.385	138.566.896
Cộng	2.003.009.722	403.351.728

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	31/12/2011		01/01/2011	
	USD	Đồng	USD	Đồng
Tiền gửi đồng Việt Nam tại:				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		1.224.559.571		1.513.500
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		1.778.557		1.725.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/12/2011		01/01/2011	
	USD	Đồng	USD	Đồng
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân		1.164.627		1.129.778
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng		340.837.022		129.974.867
- Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng - Chi nhánh Hải Phòng		1.687.215		1.636.732
- Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng		134.204.385		0
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng		504.280		0
Tiền gửi ngoại tệ tại:				
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	136,87	2.850.728	136,63	2.586.679
Cộng	136,87	1.707.586.385	136,63	138.566.896

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng:		
- Tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng	2.000.000.000	0
- Tiền gửi có kỳ hạn 5 tháng	2.000.000.000	0
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.000.000.000	0
- Tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng	7.468.000.000	0
Cộng	13.468.000.000	0

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Ông Trần Duy Hải	0	29.008.753
Lãi tiền gửi ngân hàng	270.690.000	0
Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng (Chi phí hoạt động nhà máy gạch) (*)	538.151.675	325.090.136
Cộng	808.841.675	354.098.889

(*) Đây là khoản chi phí liên quan dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch siêu nhẹ tại Cụm công nghiệp Tân Liên, Vĩnh Bảo, Hải Phòng mà Công ty cam kết đầu tư với số vốn góp là **6.000.000.000 đồng** chiếm **40%** vốn điều lệ (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042953 ngày 21/12/2009 của Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng). Chi phí này sẽ được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng khi Nhà máy đi vào hoạt động.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.111.260.652	2.313.099.729
Cộng	2.111.260.652	2.313.099.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: đồng.

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2011	15.253.486.440	2.378.371.660	1.097.168.992	129.020.131	18.858.047.223
- Thanh lý, nhượng bán		51.018.000			51.018.000
Tại 31/12/2011	15.253.486.440	2.327.353.660	1.097.168.992	129.020.131	18.807.029.223
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2011	5.927.518.127	1.246.607.641	854.656.598	129.020.131	8.157.802.497
- Khấu hao trong kỳ	1.013.112.876	228.931.415	101.516.820		1.343.561.111
- Thanh lý, nhượng bán		40.733.009			40.733.009
Tại 31/12/2011	6.940.631.003	1.434.806.047	956.173.418	129.020.131	9.460.630.599
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	9.325.968.313	1.131.764.019	242.512.394	0	10.700.244.726
Tại 31/12/2011	8.312.855.437	892.547.613	140.995.574	0	9.346.398.624

- o Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: **0 đồng**;
- o Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: **796.124.079 đồng**;
- o Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý: **0 đồng**.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Trang trí nội thất nhà văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty	227.272.727	0
Cộng	227.272.727	0

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.639.545	5.676.136
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	43.566.000	66.348.000
Cộng	50.205.545	72.024.136

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	0	458.453.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.488.183	196.647.516
Tiền thuế đất	90.459.000	0
Cộng	226.947.183	655.100.636

17. Chi phí phải trả

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Trích trước chi phí cho các công trình		
- Công trình nhà máy thép Cửu Long	123.144.710	123.144.710
- Công trình bệnh viện đa khoa Hưng Hà - Thái Bình	0	1.091.246.842
- Công trình Tân liên giai đoạn 2	0	1.044.346.108
- Công trình Tân liên giai đoạn 2a	689.016.021	820.896.021
Cộng	812.160.731	3.079.633.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Phải trả các đội tiền thuế GTGT	410.875.882	428.889.418
Cổ tức phải trả	1.047.500	912.000
Ông Tạ Hữu Hào	235.000.000	0
Ông Bùi Hữu Lâm – Công ty Đại Dương	401.000.000	0
Phải trả khác	229.926.445	130.063.387
Cộng	1.277.849.827	559.864.805

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng.

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.820.000.000	2.705.242.440	0	54.755.669	281.527.658	1.102.479.500	14.964.005.267
Lãi trong năm	0	0	0	0	0	493.457.309	493.457.309
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	(1.082.000.000)	(1.082.000.000)
Số dư cuối năm trước	10.820.000.000	2.705.242.440	0	54.755.669	281.527.658	513.936.809	14.375.462.576
Số dư đầu năm nay	10.820.000.000	2.705.242.440	0	54.755.669	281.527.658	513.936.809	14.375.462.576
Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	496.942.761	496.942.761
Phân phối lợi nhuận năm 2010 (*)	0	0	0	0	0	(518.350.000)	(518.350.000)
Giảm vốn trong kỳ	0	0	(391.027.880)	0	0	0	(391.027.880)
Số dư cuối kỳ	10.820.000.000	2.705.242.440	(391.027.880)	54.755.669	281.527.658	492.529.570	13.963.027.457

(*) Lợi nhuận năm 2010 được phân phối căn cứ vào Biên bản đại hội đồng thường niên năm 2011 ngày 23/4/2011 với tỷ lệ là 5% vốn đầu tư của chủ sở hữu.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Vốn góp của nhà nước	976.320.000	976.320.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.843.680.000	9.843.680.000
Cộng	10.820.000.000	10.820.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.082.000.000	10.820.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	10.082.000.000	10.820.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (*)	518.350.000	1.081.696.000

(*) Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm là lợi nhuận năm 2010 chi trả cho cổ đông theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 23/4/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***d. Cổ phiếu**

	31/12/2011 (cổ phiếu)	01/01/2011 (cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.082.000	1.082.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	45.300	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45.300	0
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.036.700	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.036.700	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	54.755.669	54.755.669
Quỹ dự phòng tài chính	281.527.658	281.527.658
Cộng	336.283.327	336.283.327

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.337.565.585	14.715.523.476
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.535.760.650	2.508.520.236
Cộng	3.873.326.235	17.224.043.712

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.014.834.737	14.113.920.666
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.404.818.113	1.501.667.116
Cộng	2.419.652.850	15.615.587.782

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng	335.368.553	95.679.708
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.691	394.377
Cộng	335.402.244	96.074.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Chi phí lãi vay	13.333.333	920.403
Cộng	13.333.333	920.403

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	136.488.184	164.485.770
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	136.488.184	164.485.770

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.070.853.921	5.312.676.524
Chi phí nhân công	1.038.465.376	3.209.484.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.343.561.111	1.361.160.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	914.747.917	1.485.599.491
Chi phí khác bằng tiền	332.183.946	235.339.389
Cộng	5.699.812.271	11.604.259.812

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN	496.942.761	493.457.309
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	496.942.761	493.457.309
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.051.983	1.082.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	472,39	456,06

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2011 mà chưa được trình bày tại Báo cáo này.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán và số liệu tài chính năm 2010 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) và phân loại lại số dư đầu kỳ cho phù hợp với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số trước phân loại	Mã số sau phân loại	Số tiền (đồng)
Chi phí hoạt động nhà máy gạch	261	135	325.090.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Huyền

Đỗ Thị Bích Phượng